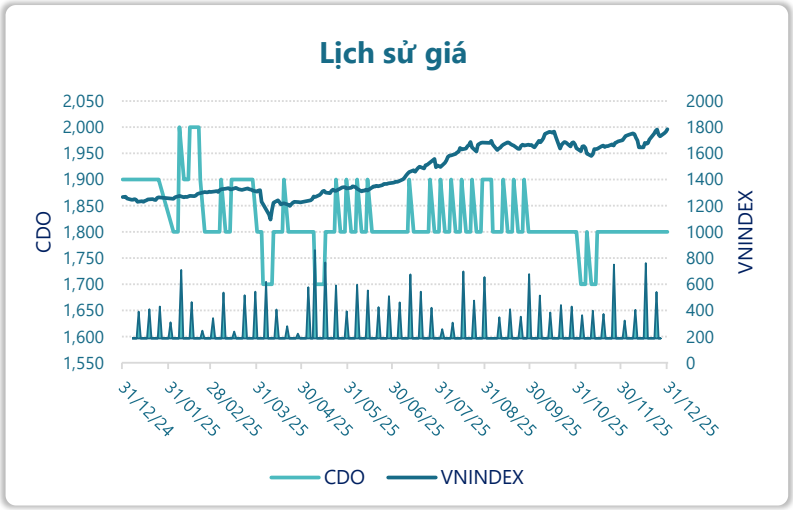
FireAnt

CTCP Tư vấn thiết kế và Phát triển đô thị (UPCOM: CDO)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**1,800**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	2,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	1,700
SL cổ phiếu LH	31,504,975
KLGD BQ 20 phiên (CP)	8,715
% sở hữu nước ngoài	0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	57
P/E	24.9
EPS	72

DT thuần

Q4/25

6.51

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.11| 1.7%

YoY: ▲ 1.00| 18.2%

LN sau thuế

Q4/25

1.15

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.25| 28.1%

YoY: ▼0.96| -45.4%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

9.5%

+/- YoY: ▲ 18.1%

DT thuần

2025

24.0

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1.80| 7.9%

LN sau thuế

2025

2.27

tỷ VNĐ

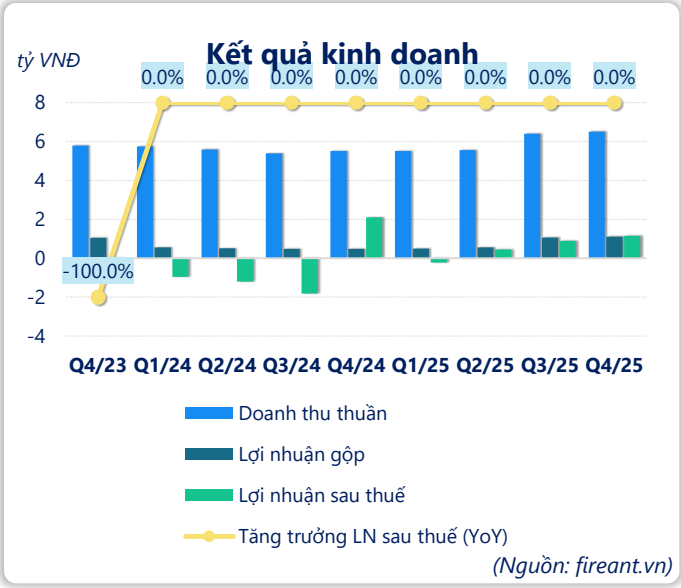
YoY: ▲ 4.20| 218%

ROE

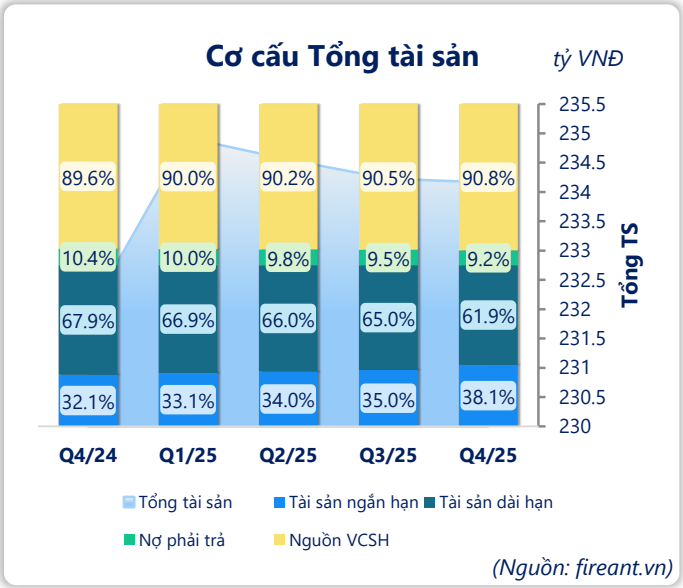
2025

1.1%

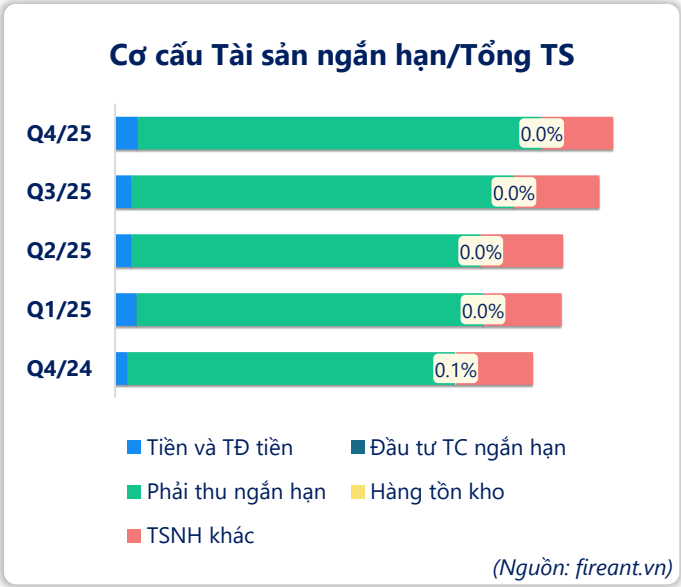
+/- YoY: ▲ 2.0%



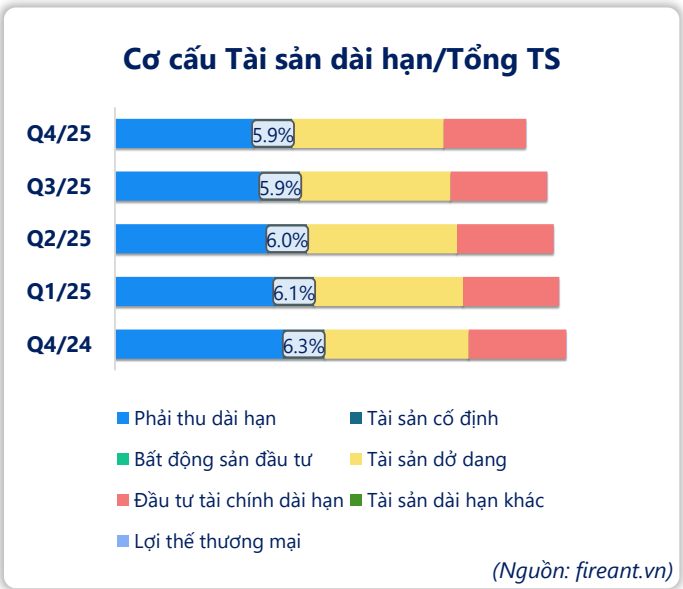
(Nguồn: fireant.vn)



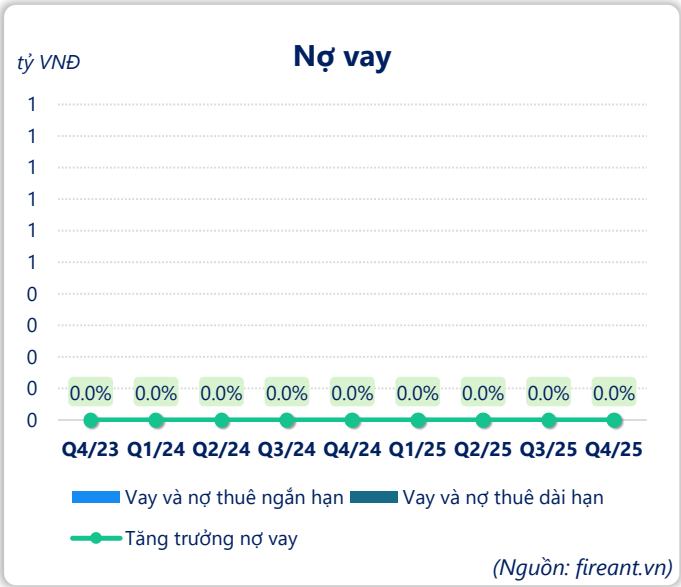
(Nguồn: fireant.vn)



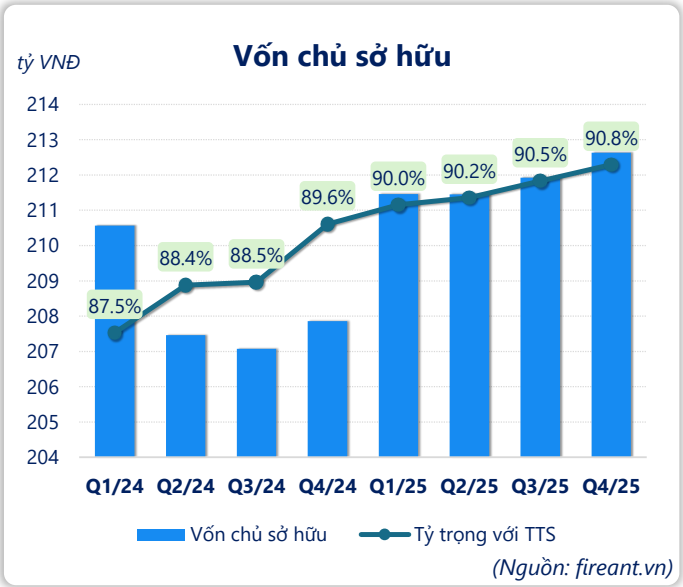
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

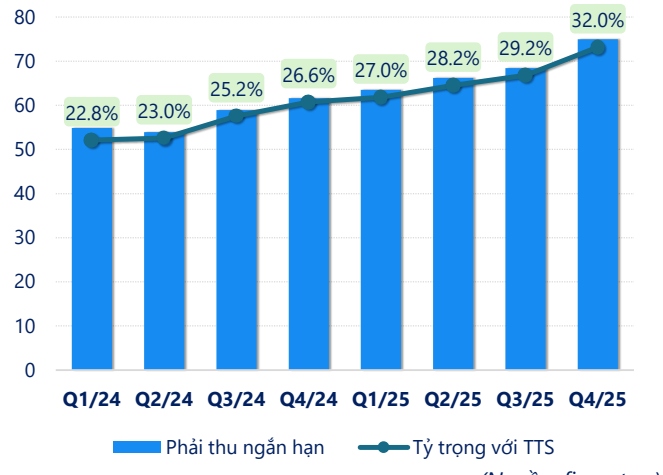


(Nguồn: fireant.vn)



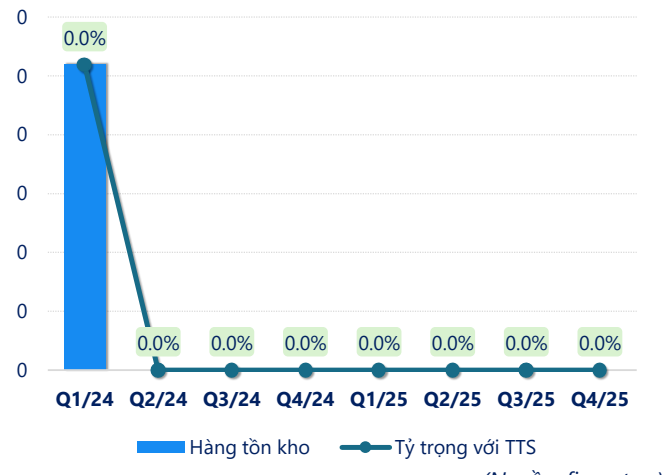
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



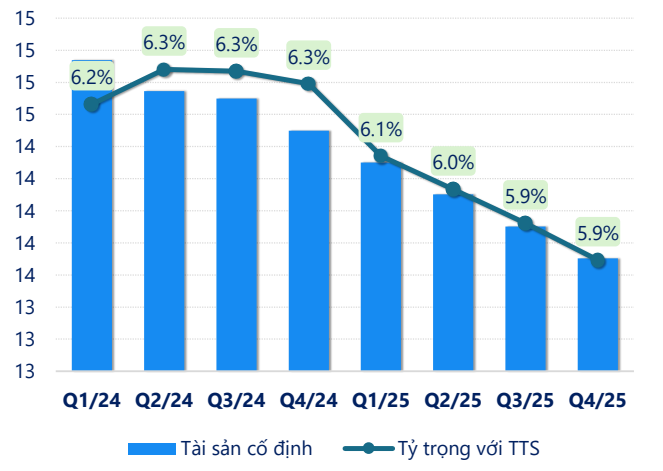
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



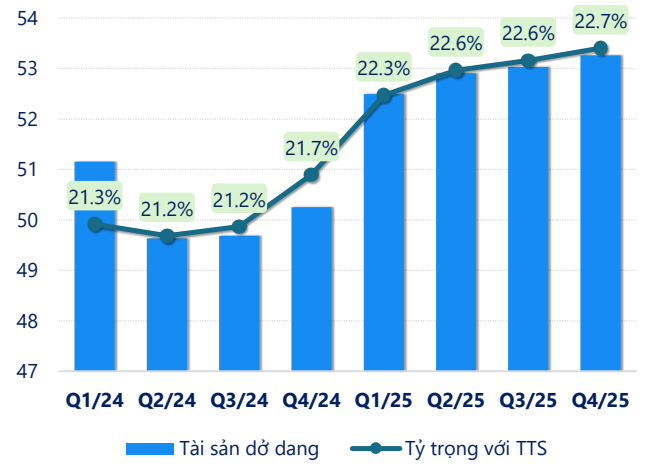
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



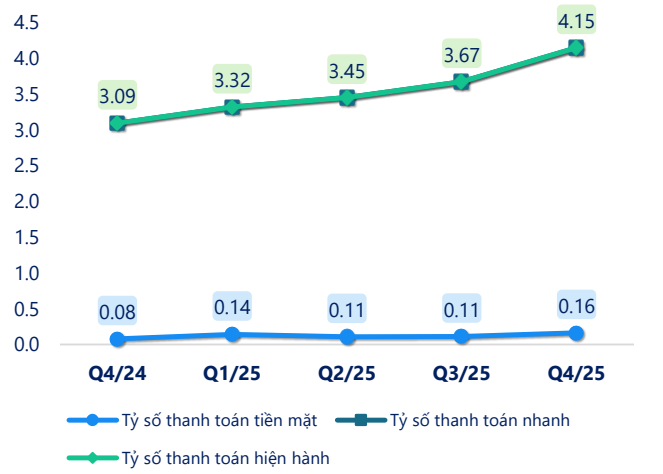
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



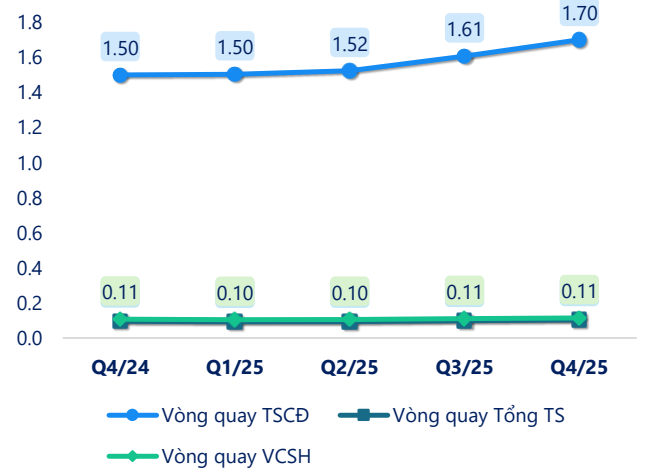
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**232**	**235**	**235**	**234**	**234**
Tài sản ngắn hạn	**74.4**	**77.8**	**79.7**	**81.9**	**89.3**
Tiền và tương đương tiền	1.89	3.31	2.52	2.52	3.51
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	61.6	63.5	66.2	68.4	75.0
Hàng tồn kho	0	0	0	0	0
Tài sản ngắn hạn khác	10.9	11.0	11.0	10.9	10.8
Tài sản dài hạn	**157**	**157**	**155**	**152**	**145**
Phải thu dài hạn	58.6	56.2	53.7	51.3	48.8
Tài sản cố định	14.5	14.3	14.1	13.9	13.7
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	50.3	52.5	52.9	53.0	53.3
Đầu tư tài chính dài hạn	34.1	34.1	34.1	34.1	29.1
Tài sản dài hạn khác	0	0	0	0	0
Lợi thế thương mại	0.05	0.05	0.04	0.04	0.03
Nợ phải trả	**24.1**	**23.5**	**23.1**	**22.3**	**21.5**
Nợ ngắn hạn	**24.1**	**23.5**	**23.1**	**22.3**	**21.5**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	5.39	5.39	5.43	5.43	5.25
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**208**	**211**	**211**	**212**	**213**
Vốn chủ sở hữu	**208**	**211**	**211**	**212**	**213**
Vốn điều lệ	315	315	315	315	315
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)